| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 11/2022/QĐST-DS | *Bình Đại, ngày 24 tháng 3 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 252/2019/TLST – DS ngày 11 tháng 9 năm 2019.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* Nguyễn Văn N, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh T.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Ông Phan Thành Đ, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh T.

Tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền đề ngày 02/3/2022.

** Bị đơn:* Võ Văn P (5 C), sinh năm: 1966

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Dương Thị L, sinh năm: 1968
- Võ Thanh P, sinh năm: 1989
- Võ Dương P, sinh năm: 1998

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh T.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng:* Ông Võ Văn P bị đơn trong vụ án theo các giấy ủy quyền đề ngày 14/01/2020.

**2.** Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn N và ông Võ Văn P (5 C) đã tự nguyện thỏa thuận và thống nhất ranh giới giữa các thửa đất số 163, tờ bản đồ số 5 (Số liệu không chính quy thuộc

thửa đất số 442, tờ bản đồ số 1) và thửa đất số 208, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh T cụ thể như sau:

2.1. Căn cứ vào họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 09/6/2020 các đương sự thống nhất xác định và lấy 02 điểm L, E là đường ranh giới chung của 02 thửa đất số 163, 208 tờ bản đồ số 5.

2.2. Ông Võ Văn P (5 C) cùng bà Dương Thị L, anh Võ Thanh P, Võ Dương P đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Văn N diện tích đất 21.6 $m^2$ thuộc 01 phần thửa đất số 163, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện B, tỉnh T thể hiện ở các điểm D, E, M, D được biểu thị ở thửa 163-1.

Đất phải trả cho ông Nguyễn Văn N có tứ cận như sau:

- Đông giáp Rạch
- Tây giáp đường
- Nam giáp phần đất còn lại của ông Võ Văn P thửa 208, tờ 5
- Bắc giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn N thửa 63, tờ 5

2.3. Ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất 699.4 $m^2$ thuộc thửa đất số 163, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện B, tỉnh T thể hiện ở các điểm A, C, D, E, M, N, O, A được biểu thị ở thửa 163 diện tích 677.8 $m^2$, 163-1 diện tích 21.6 $m^2$.

2.4. Ông Võ Văn P (5 C), bà Dương Thị L, anh Võ Thanh P, Võ Dương P được quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất 1332.1 $m^2$ thuộc thửa đất số 208, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện B, tỉnh T thể hiện ở các điểm E, F, G, H, I, J, K, L, M, E được biểu thị ở thửa 208 diện tích 1218.0 $m^2$, 208-1 diện tích 114.1 $m^2$.

(*Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 09/6/2020 kèm theo Quyết định*)

2.5. Chi phí tố tụng:

Ông Võ Văn P (5 C), bà Dương Thị L, anh Võ Thanh P, Võ Dương P có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn N ½ chi phí tố tụng của số tiền 4.111.000 đồng là 2.055.500 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng), trả vào ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Ngày 24/3/2022) là hoàn tất.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn N phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005976 ngày 11/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ông Võ Văn P phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*Đã ký*

**Nguyễn Hồng Phương**